

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN I
TRƯỜNG MẦM NON HOA QUỲNH

Địa chỉ: 34 Nguyễn Phi Khanh, Phường Tân Định Quận 1, TPHCM

Điện thoại: (028)38204293

QĐTL: số 104/QĐ-UB

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	1. Tổ chức ăn - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. (25-36 tháng) + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 930 - 1000 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày: 765-893Kcal.</i> - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. 2. Tổ chức ngủ Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi: - 13-18 tháng ngủ 2 giấc khoảng 180 phút	1. Tổ chức ăn - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. 2. Tổ chức ngủ Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). 3. Vệ sinh - Vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng

		- Trẻ từ 19 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút. 3. Vệ sinh - Vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung bởi Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung bởi Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	I. VỀ THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Khám sức khỏe, tẩy giun 2 lần/năm. Xóa 80 % cháu suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ béo phì. Tích cực phòng dịch, phòng tránh các bệnh thường gặp. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu	I. VỀ THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Khám sức khỏe, tẩy giun 2 lần/năm. Xóa 80 % cháu suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ béo phì. Tích cực phòng dịch, phòng tránh các bệnh thường gặp. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư

	(nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. VỀ NHẬN THỨC: - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. III. VỀ NGÔN NGỮ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. IV. VỀ TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.	thể. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. II. VỀ NHẬN THỨC: - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. VỀ NGÔN NGỮ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
--	---	--

			- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết. IV. VỀ TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. VỀ THẨM MỸ : - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	1. Hoạt động giao lưu cảm xúc Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỷ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi. 2. Hoạt động với đồ vật Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi. 3. Hoạt động chơi Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của	1. Hoạt động chơi Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau: - Trò chơi đóng vai theo chủ đề. - Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng. - Trò chơi đóng kịch. - Trò chơi học tập. - Trò chơi vận động. - Trò chơi dân gian. - Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại. 2. Hoạt động học Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt

	trẻ về vận động và khám phá thể giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian. 4. Hoạt động chơi - tập có chủ định Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ. 5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.	động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi. 3. Hoạt động lao động Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà đ-ược sử dụng như- một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể. 4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.
--	---	---

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Vân

Biểu mẫu 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN I
TRƯỜNG MẦM NON HOA QUỲNH**

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép	00	00	00	00	00	00	00
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	00	00	00	00	00	00	00
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	167	00	00	23	45	50	49
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	167	00	00	23	45	50	49
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	167	00	00	23	45	50	49
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	167	00	00	23	45	50	49
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	149	00	00	21	45	43	40
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	03	00	00	01	00	00	02
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	167	00	00	23	45	50	49
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	00	00	00	00	00	00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	15	00	00	01	00	07	07
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	167	00	00	23	45	50	49
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	23	00	00	23	00	00	00
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	144	00	00	00	45	50	49

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Vân

Biểu mẫu 03**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN I
TRƯỜNG MẦM NON HOA QUỲNH****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	09	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	09	1,32 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1,897m ²	11,2 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	268,4m ²	1,6 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	44,5m ²	2,96 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	44,5m ²	2,96 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	108,3m ²	0,64 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	442,4m ²	2,64 m ² /trẻ em
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	70 m ²	0,41 m ² /trẻ em
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	61,7 m ²	0,37m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	126 m ²	0,75 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	09	09/09
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	00/09
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	Số bộ/sân chơi 5/2
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	11	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	09	0	108,3 m ²	0	0,70 m ² /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Vân

Biểu mẫu 04

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN I
TRƯỜNG MẦM NON HOA QUỲNH**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của
cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	23	00	02	11	05	01	04	00	12	05				
I	Giáo viên	14	0	00	07	05	00	00	00	10	02				
1	Nhà trẻ	02	00	00	01	01	00	00	00	01	01				
2	Mẫu giáo	12	0	00	08	04	0	00	00	11	01				
II	Cán bộ quản lý	03	00	02	01	00	00	00	00	00	03				
1	Hiệu trưởng	01	00	01	00	00	00	00	00	00	01				
2	Phó hiệu trưởng	02	00	00	02	00	00	00	00	00	02				
III	Nhân viên	06	00	00	01	00	01	04	00	00	00				
1	Nhân viên văn thư	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00				
2	Nhân viên kế toán	01	00	00	01	00	00	00	00	00	00				
3	Thủ quỹ	01	00	00	00	00	01	00	00	00	00				
4	Nhân viên y tế	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00				
5	Nhân viên khác	04	00	00	00	00	00	04	00	00	00				

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022.

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Vân